

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CHI TIẾT CÔNG TRÌNH CHĂM SÓC, BẢO DƯỠNG CÂY XANH CÔNG VIÊN NGHĨA
TRANG HUYỆN NHƠN TRẠCH NĂM 2020**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	CX1.01.12	Tưới nước giếng khoan thăm cỏ thuần chủng bằng máy bơm chạy điện 1,5kw	100m2/ lần	7.212,8000	
2	CX1.02.11	Phát thăm cỏ thuần chủng bằng máy	100m2/ lần	309,1200	
3	CX1.02.12	Phát thăm cỏ không thuần chủng bằng máy	100m2/ lần	58,0800	
4	CX1.03.01	Xén lẹ cỏ lá tre	100md/ lần	88,2000	
5	CX1.04.01	Làm cỏ tạp	100m2/ lần	618,2400	
6	CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/ lần	309,1200	
7	CX1.07.01	Bón phân thăm cỏ	100m2/ lần	154,5600	
8	CX1.05.01	Trồng dặm cỏ lá tre	1m2/lần	515,2000	
9	CX2.01.12	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng máy bơm chạy điện 1,5kw	100m2/ lần	428,6800	
10	CX2.03.01	Phun thuốc trừ sâu bồn hoa	100m2/ lần	18,3720	
11	CX2.04.01	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m2/ lần	18,3720	
12	CX2.05.02	Duy trì bồn cảnh lá màu không hàng rào	100m2/ năm	6,1240	
13	CX2.07.01	Trồng dặm cây hàng rào, đường viền	1m2/ lần	30,6200	
14	CX2.08.12	Tưới nước giếng khoan cây ra hoa, tạo hình bằng máy bơm chạy điện 1,5kw	100 cây/ lần	375,2000	
15	CX2.09.01	Duy trì cây cảnh trồng hoa	100 cây/ năm	5,3600	

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
16	CX2.10.01	Trồng dặm cây cảnh trồng hoa	100 cây	0,0536	
17	CX2.13.01	Thay đất phân chậu cảnh	100 chậu/lần	0,1800	
18	CX2.14.01	Duy trì cây cảnh trồng chậu	100chậu/năm	0,3600	
19	CX3.03.01	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/ năm	146,0000	
20	MT1.02.02	Công tác quét, gom rác hè phố bằng thủ công. Quét hè. Đô thị loại III-V	10.000 m2	39,8090	
Giá gói thầu số 2: 903.103.092 đồng (Bằng chữ: chín trăm lẻ ba triệu, một trăm lẻ ba ngàn, không trăm chín mươi hai đồng)					